

Số: 1049/KH-HĐPH

Tân Bình, ngày 05 tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH

Tổ chức Hội nghị “Tập huấn triển khai Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.”

Thực hiện Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn quận năm 2024;

Thực hiện Kế hoạch số 157/KH-HĐPH ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật quận Tân Bình về hoạt động năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 120/KH-PGDĐT ngày 26 tháng 01 năm 2024 về Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2024;

Phòng Giáo dục và Đào tạo – Thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật quận Tân Bình tổ chức Hội nghị “Tập huấn triển khai Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập” cho đội ngũ cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn quận như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non một số nội dung cơ bản của Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Thủ

tướng Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, từ đó có thể áp dụng một cách hiệu quả và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được phân công.

- Đảm bảo nội dung, chương trình tập huấn gắn với yêu cầu thực tiễn của nhiệm vụ công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; công tác tổ chức lớp học chặt chẽ, phù hợp với điều kiện của cơ quan, đơn vị.

II. ĐỐI TƯỢNG THAM DỰ

Dự kiến 265 người gồm:

- + Trường mầm non công lập: Phó Hiệu trưởng, 01 Tổ trưởng chuyên môn;
- + Trường mầm non ngoài công lập: Hiệu trưởng;
- + Nhóm trẻ, Lớp mẫu giáo độc lập: 01 Tổ trưởng chuyên môn.

III. NỘI DUNG TẬP HUẤN

- Công tác quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập:

- + Quản lý các hoạt động giáo dục;
- + Thực hiện quy chế dân chủ trong quản lý các hoạt động giáo dục;
- + Trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục và người đứng đầu cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục;
- + Bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục.

- Những nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

IV. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM

1. Hình thức, thời gian:

- Hình thức tập huấn: Tổ chức hội nghị tập trung

- Thời gian: **Dự kiến 08 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 7 năm 2024 (Sáng thứ Năm)**

2. Địa điểm: Hội trường 1 Phòng Giáo dục và Đào tạo - (địa chỉ số 97B Trường Chinh, phường 12, quận Tân Bình).

3. Báo cáo viên: Báo cáo viên pháp luật quận Tân Bình.

V. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

- Ngày 02 tháng 7 năm 2024: Xây dựng, duyệt và triển khai kế hoạch.
- Ngày 05 tháng 7 năm 2024: Tổ chức Hội nghị tuyên truyền.
- Ngày 08 tháng 7 năm 2024: Họp rút kinh nghiệm.

VI. KINH PHÍ TỔ CHỨC

Từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2024.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức Hội nghị “Tập huấn triển khai Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập” năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận./.

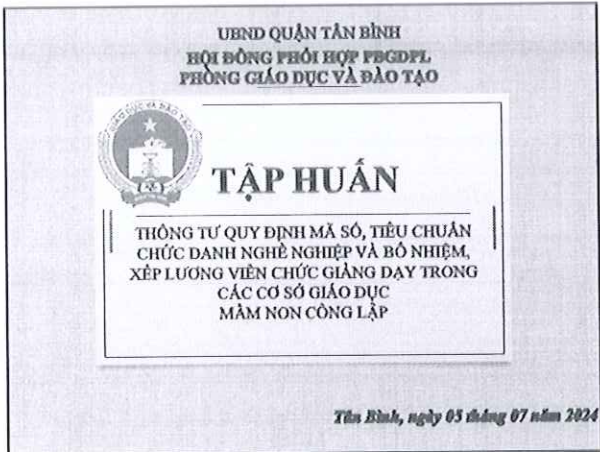
Nơi nhận :

- HĐPH PBGDPL quận (để báo cáo);
- Phòng Tư pháp quận;
- Các cơ sở giáo dục mầm non, Nhóm trẻ, LMGDŁ trên địa bàn quận;
- Lưu: VT, ĐT.

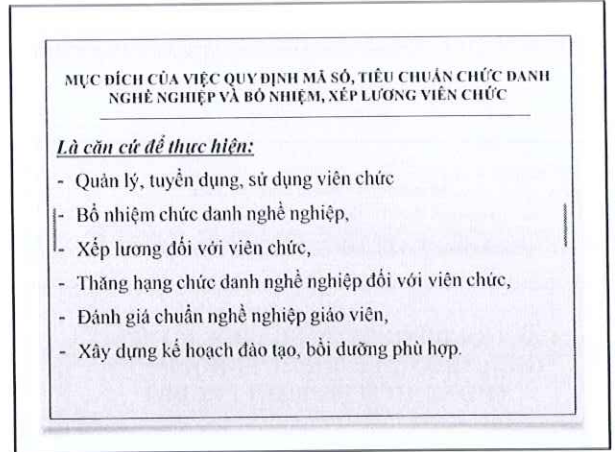
TRƯỞNG PHÒNG



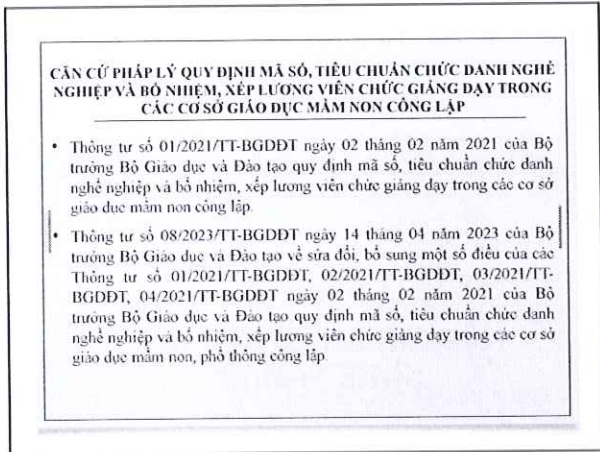
Phan Văn Quang



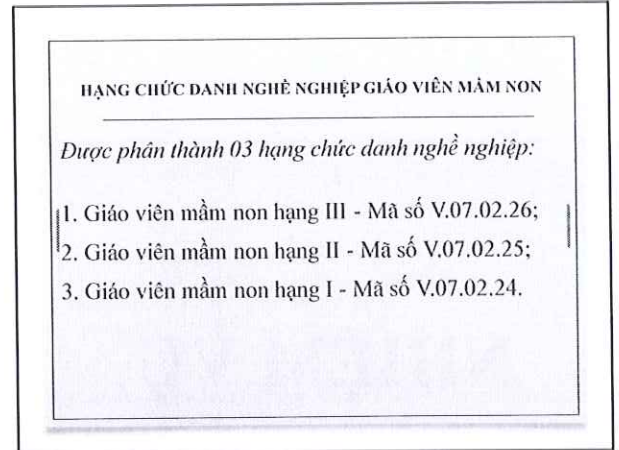
1



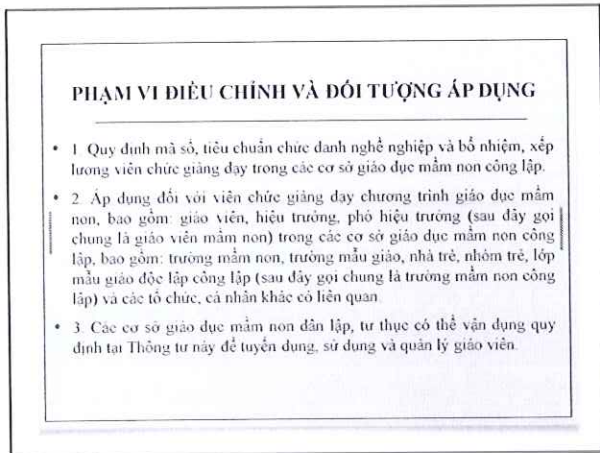
4



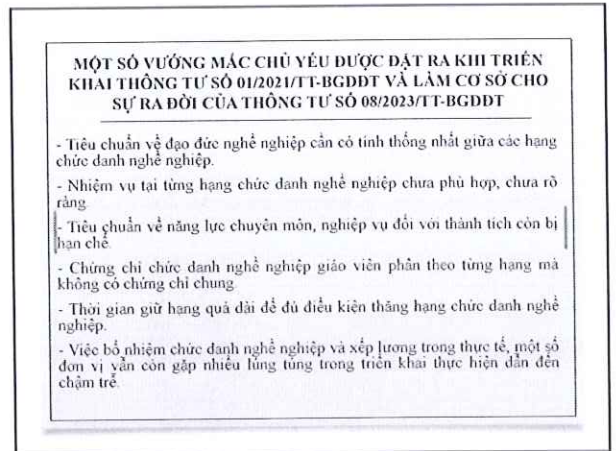
2



5



3



6

Để giải quyết những vướng mắc trên,
Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 08/2023/TT-BGDDT để giải quyết những khó khăn, vướng mắc của đơn vị để
nhẹ nhàng thực thi chính sách cho đối ngũ được kịp thời

**CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIỮA THÔNG TƯ 01/2021/TT-BGDDT VÀ
THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT**

7

Khoản 1 Điều 3. Giáo viên mầm non hạng III - Mã số V.07.02.26
NHIỆM VỤ

THÔNG TƯ 01/2021/TT-BGDDT	THÔNG TƯ 08/2023/TT-BGDDT
I. Nhiệm vụ a) Thực hiện một đường, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo kế hoạch giáo dục của nhà trường và tổ chuyên môn, chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả một đường, chăm sóc, giáo dục trẻ em ở điểm, lớp được phân công phụ trách theo Chương trình giáo dục mầm non, được biên công tác giáo dục hòa nhập và quyền tự em; b) Trao đổi đạo đức nghề nghiệp, gương mẫu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ em, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em; c) Nhận học sinh theo học, huấn luyện các kỹ năng, các chương trình bổ trợ chuyên môn, nghiệp vụ, tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia các hoạt động chuyên môn, bảo quản và sử dụng thiết bị giáo dục được giao; d) Phối hợp với cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; đ) Thực hiện nhận và của công dân, các quy định của pháp luật ngoài Giáo dục, nhà trường và địa phương; e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công	I. Nhiệm vụ Giữ nguyên điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e. Bãi bỏ điểm b. b) – Trao đổi đạo đức nghề nghiệp, gương mẫu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ em, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em;

10

NHIỆM VỤ

8

**TIÊU CHUẨN VỀ ĐẠO ĐỨC
NGHỀ NGHIỆP**

11

Khoản 1 Điều 3. Giáo viên mầm non hạng III - Mã số V.07.02.26
NHIỆM VỤ

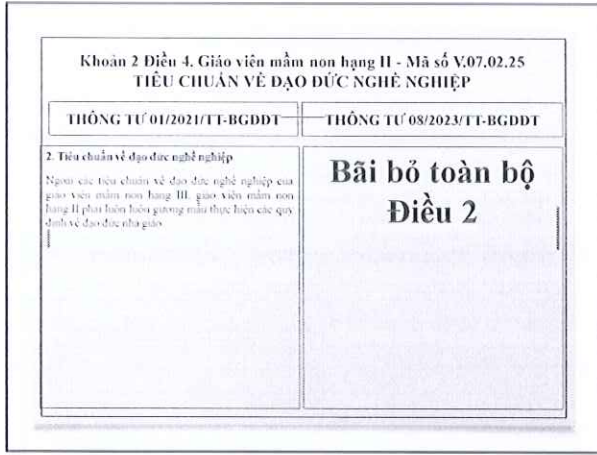
THÔNG TƯ 01/2021/TT-BGDDT	THÔNG TƯ 08/2023/TT-BGDDT
I. Nhiệm vụ a) Thực hiện một đường, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo kế hoạch giáo dục của nhà trường và tổ chuyên môn, chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả một đường, chăm sóc, giáo dục trẻ em ở điểm, lớp được phân công phụ trách theo Chương trình giáo dục mầm non, được biên công tác giáo dục hòa nhập và quyền tự em; b) Trao đổi đạo đức nghề nghiệp, gương mẫu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ em, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em; c) Nhận học sinh theo học, huấn luyện các kỹ năng, các chương trình bổ trợ chuyên môn, nghiệp vụ, tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia các hoạt động chuyên môn, bảo quản và sử dụng thiết bị giáo dục được giao; d) Phối hợp với cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; đ) Thực hiện nhận và của công dân, các quy định của pháp luật ngoài Giáo dục, nhà trường và địa phương; e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công	I. Nhiệm vụ Giữ nguyên điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e. Bãi bỏ điểm b. b) – Trao đổi đạo đức nghề nghiệp, gương mẫu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ em, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em;

9

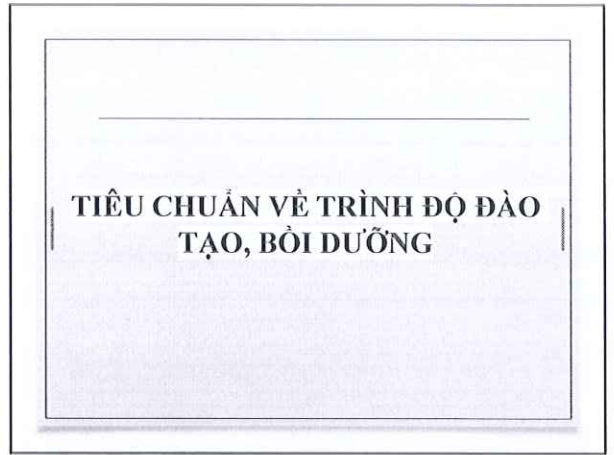
Khoản 2 Điều 3. Giáo viên mầm non hạng III - Mã số V.07.02.26
TIÊU CHUẨN VỀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP

THÔNG TƯ 01/2021/TT-BGDDT	THÔNG TƯ 08/2023/TT-BGDDT
2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp a) Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục mầm non; b) Yêu nghề, thương yêu trẻ em, kiên nhẫn, bất kể khó khăn vất vả, có tinh thần trách nhiệm cao, có kiến thức, kỹ năng cần thiết, có khả năng sư phạm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; c) Thường xuyên trao đổi đạo đức, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo, gương mẫu đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ em, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em, đoàn kết, tương trợ, hỗ trợ, giúp đỡ đồng nghiệp; d) Thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức, nhà giáo, quy định về hình vi, ứng xử và trang phục.	Bãi bỏ toàn bộ Điều 2

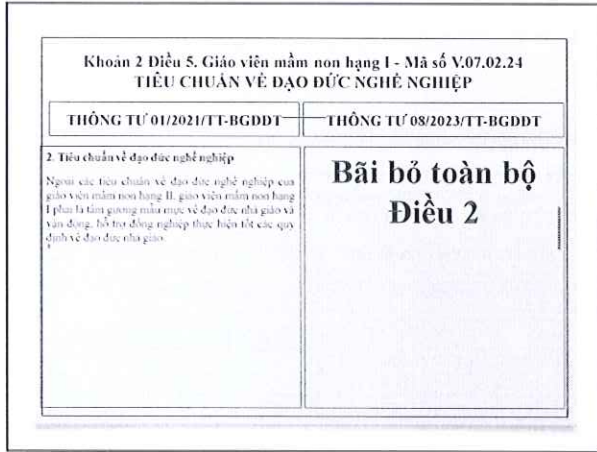
12



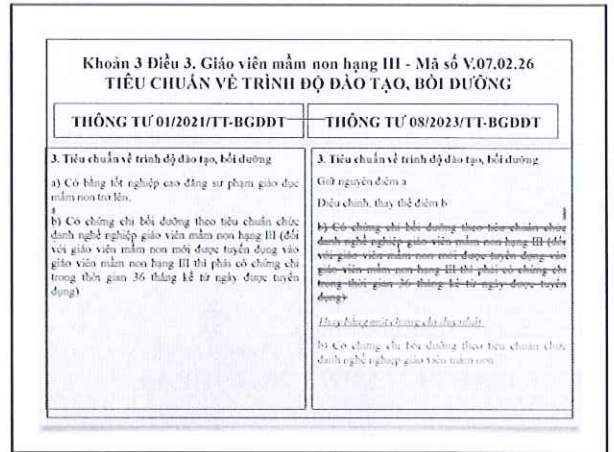
13



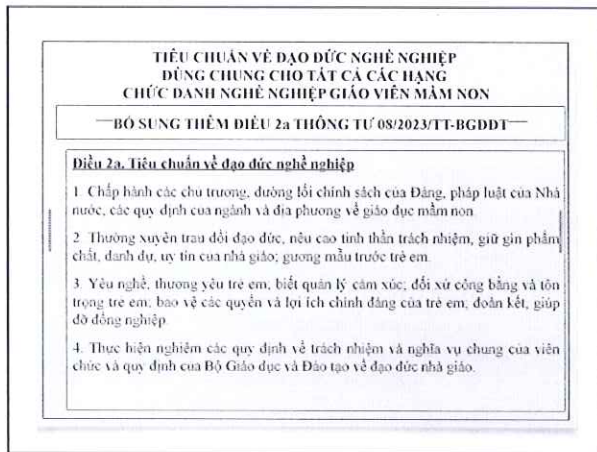
16



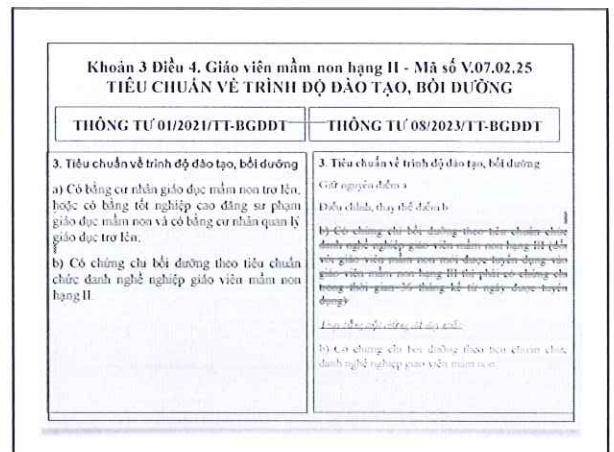
14



17



15



18

Khoản 3 Điều 5. Giáo viên mầm non hạng I - Mã số V.07.02.24 TIÊU CHUẨN VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG	
THÔNG TƯ 01/2021/TT-BGDĐT	THÔNG TƯ 08/2023/TT-BGDĐT
3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng a) Có bằng cử nhân giáo dục mầm non tại lớp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non và có bằng cử nhân quản lý giáo dục tại lớp. b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I.	3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng Giữ nguyên điểm a. Điều chỉnh, thay thế điểm b: b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III và có bằng cử nhân quản lý giáo dục tại lớp hoặc có bằng cử nhân quản lý giáo dục tại lớp và có bằng cử nhân quản lý giáo dục tại lớp và có bằng cử nhân quản lý giáo dục tại lớp. b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I.

19

Khoản 4 Điều 4. Giáo viên mầm non hạng II - Mã số V.07.02.25 TIÊU CHUẨN VỀ NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ	
THÔNG TƯ 01/2021/TT-BGDĐT	THÔNG TƯ 08/2023/TT-BGDĐT
4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ a) Năng lực chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương và quốc tế về giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. b) Thực hiện và hiểu quả công việc giáo dục mầm non, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương và quốc tế về giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. c) Chủ động và chủ trì công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. e) Thực hiện công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. f) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. g) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. h) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục.	4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ a) Năng lực chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương và quốc tế về giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. b) Thực hiện và hiểu quả công việc giáo dục mầm non, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương và quốc tế về giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. c) Chủ động và chủ trì công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. e) Thực hiện công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. f) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. g) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. h) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục.

22

TIÊU CHUẨN VỀ NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ	

20

Khoản 4 Điều 5. Giáo viên mầm non hạng I - Mã số V.07.02.24 TIÊU CHUẨN VỀ NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ	
THÔNG TƯ 01/2021/TT-BGDĐT	THÔNG TƯ 08/2023/TT-BGDĐT
4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ a) Năng lực chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương và quốc tế về giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. b) Thực hiện và hiểu quả công việc giáo dục mầm non, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương và quốc tế về giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. c) Chủ động và chủ trì công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. e) Thực hiện công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. f) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. g) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. h) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục.	4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ a) Năng lực chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương và quốc tế về giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. b) Thực hiện và hiểu quả công việc giáo dục mầm non, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương và quốc tế về giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. c) Chủ động và chủ trì công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. e) Thực hiện công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. f) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. g) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. h) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục.

23

Khoản 4 Điều 3. Giáo viên mầm non hạng III - Mã số V.07.02.26 TIÊU CHUẨN VỀ NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ	
THÔNG TƯ 01/2021/TT-BGDĐT	THÔNG TƯ 08/2023/TT-BGDĐT
4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ a) Năng lực chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương và quốc tế về giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. b) Thực hiện và hiểu quả công việc giáo dục mầm non, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương và quốc tế về giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. c) Chủ động và chủ trì công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. e) Thực hiện công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. f) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. g) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. h) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục.	4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ Giữ nguyên điểm a, điểm b, điểm c. Điều chỉnh, bổ sung điểm d, điểm e: d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. e) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. f) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. g) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục. h) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác giáo dục mầm non và quản lý giáo dục.

21

BỘ NHIỆM VÀO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP, ĐIỀU KHOẢN ÁP DỤNG ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	

24

BỘ NHIỆM VÀO CHỨC DANH NGHIỆP NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON	
THÔNG TƯ 01/2021/TT-BGDDT	THÔNG TƯ 08/2023/TT-BGDDT
Điều 9. Yêu cầu về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ của giáo viên mầm non 1. Giáo viên mầm non phải có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ đạt yêu cầu sau đây: a) Trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo. b) Trình độ nghiệp vụ: Phải có trình độ nghiệp vụ đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo. 2. Giáo viên mầm non phải có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu sau đây: a) Trình độ ngoại ngữ: Phải có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo. b) Trình độ ngoại ngữ: Phải có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo. 3. Giáo viên mầm non phải có trình độ tin học đạt yêu cầu sau đây: a) Trình độ tin học: Phải có trình độ tin học đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo. b) Trình độ tin học: Phải có trình độ tin học đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo.	Điều 9. Yêu cầu về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ của giáo viên mầm non 1. Giáo viên mầm non phải có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ đạt yêu cầu sau đây: a) Trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo. b) Trình độ nghiệp vụ: Phải có trình độ nghiệp vụ đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo. 2. Giáo viên mầm non phải có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu sau đây: a) Trình độ ngoại ngữ: Phải có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo. b) Trình độ ngoại ngữ: Phải có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo. 3. Giáo viên mầm non phải có trình độ tin học đạt yêu cầu sau đây: a) Trình độ tin học: Phải có trình độ tin học đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo. b) Trình độ tin học: Phải có trình độ tin học đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo.

25

KHOẢN 1 VÀ ĐIỀU 2 KHOẢN 2 ĐIỀU 11 TỔ CHỨC THỰC HIỆN	
THÔNG TƯ 01/2021/TT-BGDDT	THÔNG TƯ 08/2023/TT-BGDDT
Điều 11. Tổ chức thực hiện 1. Thông tư này là căn cứ để các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo. 2. Người đứng đầu các trường mầm non công lập trực tiếp quản lý, sử dụng vốn chức có trách nhiệm: a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo. b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo.	Điều 11. Tổ chức thực hiện 1. Thông tư này là căn cứ để các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo. 2. Người đứng đầu các trường mầm non công lập trực tiếp quản lý, sử dụng vốn chức có trách nhiệm: a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo. b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo.

28

ĐIỀU 9 ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP	
THÔNG TƯ 01/2021/TT-BGDDT	THÔNG TƯ 08/2023/TT-BGDDT
Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024. 2. Các quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo có hiệu lực thi hành trước ngày 01/01/2024 vẫn tiếp tục áp dụng cho các trường mầm non công lập.	Sửa đổi văn bản Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024. 2. Các quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo có hiệu lực thi hành trước ngày 01/01/2024 vẫn tiếp tục áp dụng cho các trường mầm non công lập.

26

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH TẠI ĐIỀU 5 THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT	
Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2023	

29

ĐIỀU 10 ĐIỀU KHOẢN ÁP DỤNG	
THÔNG TƯ 01/2021/TT-BGDDT	THÔNG TƯ 08/2023/TT-BGDDT
Điều 10. Điều khoản áp dụng 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024. 2. Các quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo có hiệu lực thi hành trước ngày 01/01/2024 vẫn tiếp tục áp dụng cho các trường mầm non công lập.	Sửa đổi văn bản Điều 10. Điều khoản áp dụng 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024. 2. Các quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo có hiệu lực thi hành trước ngày 01/01/2024 vẫn tiếp tục áp dụng cho các trường mầm non công lập.

27

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH TẠI ĐIỀU 5 THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT	
Nhiệm vụ của giáo viên được quy định đối với từng hạng chức danh nghề nghiệp là những công việc giáo viên thực hiện sau khi được bổ nhiệm vào hạng và trong suốt thời gian giữ hạng nếu được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phân công. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có thể phân công giáo viên thực hiện nhiệm vụ của hạng cao hơn nếu giáo viên có khả năng thực hiện. Đối với những nhiệm vụ theo hạng chức danh nghề nghiệp mà trường mầm non, phổ thông công lập không được giao hoặc không đủ điều kiện thực hiện thì người đứng đầu trường mầm non, phổ thông công lập quyết định việc quy đổi sang các nhiệm vụ khác có liên quan để làm căn cứ đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên. Không yêu cầu giáo viên phải cung cấp minh chứng về việc thực hiện nhiệm vụ của hạng khi bổ nhiệm vào hạng tương ứng theo quy định tại các Thông tư số 01/2021/TT-BGDDT, 02/2021/TT-BGDDT, 03/2021/TT-BGDDT, 04/2021/TT-BGDDT.	

30

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH
TẠI ĐIỀU 5 THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT

- Trường hợp giáo viên mầm non đã có một trong các chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II, hạng III, hạng IV theo quy định của pháp luật trước ngày 30 tháng 6 năm 2022 được xác định là đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên, được sử dụng khi tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và không phải học chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tương ứng với từng cấp học quy định tại Thông tư này.
- Tuy nhiên đối với chứng chỉ cấp sau ngày 30 tháng 6 năm 2022 thì phải liên hệ cơ sở đào tạo để học bổ sung kiến thức và được cấp lại chứng chỉ theo quy định mới.

31

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH
TẠI ĐIỀU 5 THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT

- Trường hợp giáo viên vẫn giữ mã ngạch của công chức thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập đề nghị cấp có thẩm quyền thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên đúng với cấp học đang giảng dạy theo quy trình xét chuyển chức danh nghề nghiệp.
- Trường hợp giáo viên vẫn giữ các ngạch giáo viên có đầu mã ngạch là "15.", "15a.", "15c." thì cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào hướng dẫn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp tại các Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDDT-BNV để bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp mới tương ứng theo quy định tại các Thông tư số 01/2021/TT-BGDDT.

34

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH
TẠI ĐIỀU 5 THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT

- Giáo viên tuyển dụng mới phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định trong thời gian thực hiện chế độ tập sự.
- Giáo viên tuyển dụng mới nhưng không phải thực hiện chế độ tập sự thì phải **bổ sung chứng chỉ trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày được tuyển dụng.**
- Tính đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các trường hợp còn dưới 01 (một) năm thực hiện chế độ tập sự thì phải **bổ sung chứng chỉ trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.**

32

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH
TẠI ĐIỀU 5 THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT

- Trường hợp giáo viên mầm non đã thực hiện việc bổ nhiệm từ các Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDDT-BNV sang chức danh nghề nghiệp tương ứng theo quy định tại các Thông tư số 01/2021/TT-BGDDT khi thực hiện việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương theo các quy định sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này **nếu có sự thay đổi về hạng chức danh nghề nghiệp** được bổ nhiệm thì cơ quan quản lý có thẩm quyền **ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp thay thế** và không thực hiện việc truy thu tiền lương, phụ cấp chênh lệch đã trả.
- Trường hợp khi thực hiện việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương theo các quy định sửa đổi, bổ sung **nếu không có sự thay đổi về hạng chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm thì giữ nguyên hạng chức danh nghề nghiệp đã được bổ nhiệm** và không cần ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp thay thế.

35

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH
TẠI ĐIỀU 5 THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT

- Trường hợp giáo viên đang được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đúng với cấp học đang giảng dạy hoặc thay đổi vị trí việc làm mà chức danh nghề nghiệp đang giữ không phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm mới thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định việc xét chuyển chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và đảm bảo nguyên tắc:
 - a) Bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm và chuyển xếp vào hệ số lương bằng hoặc cao hơn gần nhất của hạng được chuyển theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức và theo quy định hiện hành của pháp luật.
 - b) Khi chuyển chức danh nghề nghiệp không được kết hợp tăng bậc lương.
 - c) Khi chuyển chức danh nghề nghiệp không yêu cầu viên chức phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm được chuyển.
 - d) Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp cũ được xác định tương đương thời gian giữ chức danh nghề nghiệp được chuyển.

33

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH
TẠI ĐIỀU 5 THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT

- Trường hợp giáo viên đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức hoặc năm học 2021-2022 bị đánh giá, xếp loại viên chức không hoàn thành nhiệm vụ thì giữ nguyên mã số, hệ số lương hiện hưởng cho đến khi hết thời gian thi hành kỷ luật hoặc được đánh giá, xếp loại viên chức hoàn thành nhiệm vụ trở lên thì được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương theo quy định.

36

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH
TẠI ĐIỀU 5 THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT**

- Kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2015 đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp giáo viên mầm non được bổ nhiệm vào hạng cao hơn sau khi hết thời gian tập sự hoặc sau khi đạt trình độ đào tạo cao hơn trình độ quy định nhưng chưa đáp ứng các tiêu chuẩn khác cũng như chưa trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng do cấp có thẩm quyền tổ chức thì phải thực hiện bổ nhiệm lại vào đúng hạng theo quy định (bao gồm cả trường hợp tuyển dụng trước ngày 03 tháng 11 năm 2015 và hoàn thành thời gian tập sự theo quy định sau ngày 03 tháng 11 năm 2015).

37

Trân trọng cảm ơn
sự chú ý lắng nghe của Quý Thầy/Cô!

40

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH
TẠI ĐIỀU 5 THÔNG TƯ SỐ 08/2023/TT-BGDDT**

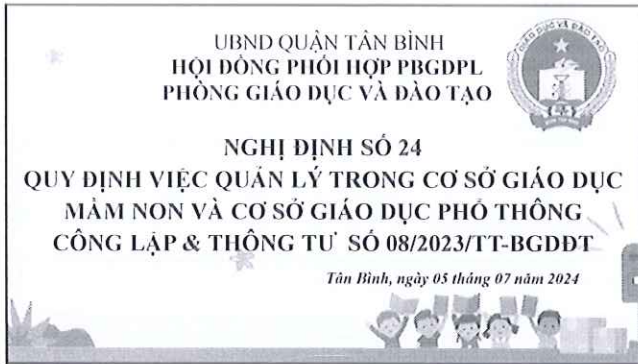
- Kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2015 đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp giáo viên mầm non được bổ nhiệm vào hạng cao hơn sau khi hết thời gian tập sự hoặc sau khi đạt trình độ đào tạo cao hơn trình độ quy định nhưng chưa đáp ứng các tiêu chuẩn khác cũng như chưa trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng do cấp có thẩm quyền tổ chức thì phải thực hiện bổ nhiệm lại vào đúng hạng theo quy định (bao gồm cả trường hợp tuyển dụng trước ngày 03 tháng 11 năm 2015 và hoàn thành thời gian tập sự theo quy định sau ngày 03 tháng 11 năm 2015).

38

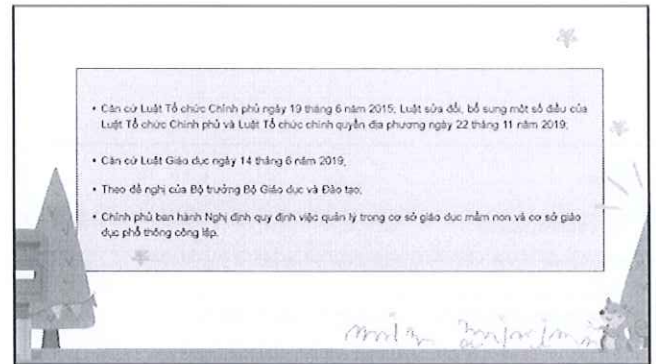
**VĂN BẢN TRIỂN KHAI, HƯỚNG DẪN CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ 01/2021/TT-BGDDT VÀ THÔNG TƯ SỐ
08/2023/TT-BGDDT**

- Công văn số 2082/SGDDT-TCCB ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai, hướng dẫn thực hiện các Thông tư số 01, 02, 03 và 04/2021/TT-BGDDT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Công văn số 3438/SGDDT-TCCB ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh nội dung thực hiện hồ sơ bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương trong văn bản số 2802/SGDDT-TCCB ngày 19/10/2021.
- Công văn số 3108/SGDDT-TCCB ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai, hướng dẫn thực hiện Thông tư số 08/2023/TT-BGDDT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01, 02, 03, 04/2021/TT-BGDDT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Công văn số 3802/SGDDT-TCCB ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông.

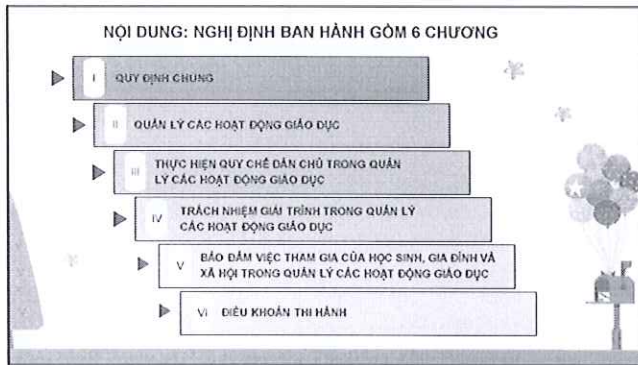
39



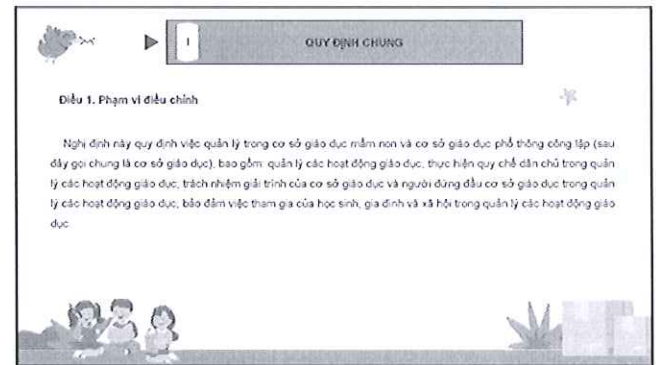
1



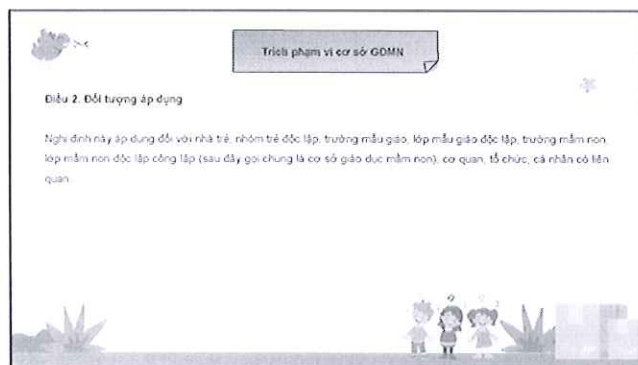
2



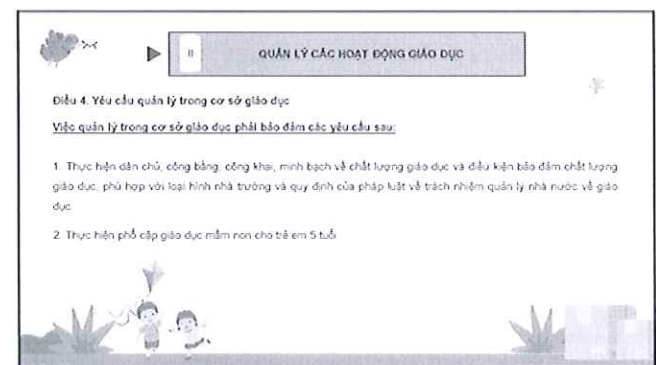
3



4



5



6

Điều 5. Hoạt động tuyển sinh

1. Cơ sở giáo dục thực hiện tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.
2. Cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định của pháp luật được tự chủ xác định phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh và địa bàn tuyển sinh.

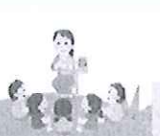
HOẠT ĐỘNG TUYỂN SINH



7

Điều 6. Tổ chức hoạt động giáo dục

1. Cơ sở giáo dục được quyết định các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.
2. Cơ sở giáo dục được chủ động liên kết với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, các tổ chức, cá nhân và gia đình học sinh để tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện của địa phương theo quy định của pháp luật.



8

Điều 7. Quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự

1. Việc quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự trong cơ sở giáo dục đáp ứng quy định về tổ chức hoạt động giáo dục tại Nghị định này và thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự.
2. Cơ sở giáo dục được tiếp nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân để nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển nhà trường bảo đảm rõ về mục đích tài trợ và sử dụng các nguồn tài trợ đúng mục đích, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.
3. Mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học của cơ sở giáo dục được thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.



9

THỰC HIỆN QUY CHẾ DẪN CHỦ TRONG QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng trường

1. Phê duyệt kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.
2. Giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển sinh, các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục.



10

3. Giám sát việc quản lý, sử dụng các nguồn lực xã hội hóa dành cho cơ sở giáo dục, bảo đảm mục tiêu giáo dục, công khai, minh bạch và hiệu quả.
4. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.



11

Điều 5. Hoạt động tuyển sinh

1. Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động tham gia xây dựng kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự của cơ sở giáo dục, trình Hội đồng trường phê duyệt các kế hoạch trước khi tổ chức thực hiện.
2. Tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự của cơ sở giáo dục, quản lý, sử dụng các nguồn lực xã hội hóa, bảo đảm đúng mục đích, công bằng, công khai, minh bạch.



12

3. Tổ chức đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục theo quy định, tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động tham gia đánh giá chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục.

4. Công khai mục tiêu chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả tuyển sinh, kết quả giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.



13

TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH TRONG QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của giáo viên, nhân viên, người lao động trong cơ sở giáo dục

1. Tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự của cơ sở giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.
2. Tham gia tổ chức tuyển sinh, tổ chức hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự của cơ sở giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.
3. Tham gia giám sát việc tổ chức tuyển sinh, tổ chức hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.
4. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.



14

Điều 11. Trách nhiệm của đoàn thể, tổ chức xã hội trong cơ sở giáo dục

1. Tham gia xây dựng kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự của cơ sở giáo dục.
2. Phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường của cơ sở giáo dục, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục.



15

3. Phối hợp sử dụng các nguồn lực xã hội hóa để tổ chức các hoạt động giáo dục và tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động xã hội, phục vụ cộng đồng bảo đảm đúng mục đích, chất lượng, hiệu quả theo quy định của pháp luật.
4. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.



16

Điều 12. Trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục

Cơ sở giáo dục có trách nhiệm giải trình với xã hội, học sinh, cơ quan quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động trong cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật các nội dung sau:

1. Mục tiêu chất lượng giáo dục, kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch giáo dục của nhà trường, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục.



17

2. Hoạt động tuyển sinh, hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản, tổ chức bộ máy và nhân sự của cơ sở giáo dục, bảo đảm sự tham gia của gia đình học sinh, tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục.
3. Quản lý, sử dụng các nguồn lực xã hội hóa để tổ chức các hoạt động giáo dục và tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động xã hội, phục vụ cộng đồng.
4. Thực hiện trách nhiệm giải trình đối với các nội dung khác theo quy định của pháp luật về trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.



18

Điều 13. Trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ sở giáo dục

1. Xác định nội dung và thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật để áp dụng trong cơ sở giáo dục phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục
2. Tổ chức chỉ đạo, dẫn dắt, kiểm tra cân bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động trong cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm quy định và trách nhiệm giải trình và xử lý trong trường hợp vi phạm quy định về trách nhiệm giải trình theo quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật
3. Thực hiện trách nhiệm giải trình đối với các nội dung khác theo quy định của pháp luật về trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao

19

V **BẢO ĐẢM VIỆC THAM GIA CỦA HỌC SINH, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI TRONG QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

Điều 14. Bảo đảm việc tham gia của học sinh

1. Tham gia xây dựng các nội quy, quy định của tổ, lớp, các hoạt động Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác trong cơ sở giáo dục
2. Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập và rèn luyện theo chương trình các môn học, hoạt động giáo dục do cơ sở giáo dục tổ chức theo kế hoạch giáo dục của nhà trường

20

Điều 15. Trách nhiệm của gia đình

1. Tham gia góp ý mục tiêu giáo dục và kế hoạch giáo dục của nhà trường của cơ sở giáo dục thông qua Ban đại diện cha mẹ học sinh trường
2. Tham gia góp ý nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục về các biện pháp giáo dục, khen thưởng, kỷ luật học sinh; nắm bắt tình hình và kết quả hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, dạy học học sinh để phối hợp với cơ sở giáo dục trong việc quản lý, giáo dục học sinh

21

3. Phối hợp với cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân trong hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, dạy học học sinh bảo đảm an toàn cho học sinh, tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hoạt động xã hội, hoạt động vì cộng đồng và các hoạt động giáo dục khác theo kế hoạch giáo dục của nhà trường
4. Phối hợp với cơ sở giáo dục trong việc quản lý, sử dụng các nguồn lực xã hội hóa, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục học sinh và đảm bảo an toàn cho học sinh theo quy định của pháp luật
5. Giám sát các hoạt động của cơ sở giáo dục theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật

22

Điều 16. Trách nhiệm của đoàn thể, tổ chức xã hội ngoài cơ sở giáo dục

1. Phối hợp với cơ sở giáo dục và gia đình học sinh trong việc tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hoạt động xã hội, hoạt động vì cộng đồng và các hoạt động giáo dục khác theo kế hoạch giáo dục của nhà trường
2. Phối hợp quản lý, sử dụng các nguồn lực xã hội hóa dành cho cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật
3. Giám sát các hoạt động của cơ sở giáo dục theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật

23

VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2021

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chỉ đạo, thành lập, kiểm tra việc thi hành Nghị định này
2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm để nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt mục thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục, có cơ chế, chính sách khuyến khích, khen thưởng các tổ chức, cá nhân tại địa phương phối hợp với các cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật
3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này

24

